

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HS-ST
Ngày 30/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Quế

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Việt Hưng

Ông Vi T Cầm

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà D Thị Dư - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm Công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2020/TLST-HS, ngày 08 tháng 06 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Chu Quang T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 09/01/1992 tại tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Quang S sinh năm 1967 và bà Hà Thị Q sinh năm 1970; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Ngày 13/6/2017 C an huyện C, tỉnh Bắc Kạn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự C cộng. Mức tiền phạt là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn) chưa chấp hành xong khoản tiền phạt.

Tiền án: 02 tiền án: Ngày 21/02/2012 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 24 tháng tù và phạt bổ sung 5.000.000đ (năm triệu đồng) về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (đến nay bị cáo chưa chấp hành xong khoản tiền phạt và án phí). Ngày 10/7/2018 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2020 đến ngày 24/3/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Vũ Đình D**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 02/11/1984 tại tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình N và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Lê Thị N sinh năm 1982 và có 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017). Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2020 đến ngày 24/3/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Hà Văn C**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 12/5/1988 tại tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn N và bà Hoàng Thị N; có vợ là Đinh Thị H sinh năm 1990; có 01 con, sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2020 đến ngày 24/3/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. **Hà Văn M**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 12/8/1966 tại tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn Tấn và bà Phùng Thị Tình; có vợ là Phạm Thị Thảo sinh năm 1969; có 02 con (con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1994). Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2020 đến ngày 24/3/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

5. **Vũ Đình Đ**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 21/7/1991 tại tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình H và bà Bùi Thị Q; có vợ là Lương Thị H và 02 con (đều đã chết). Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2020 đến ngày 24/3/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

6. **Hà Văn H**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 11/01/1989 tại tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: C chức xã; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T và bà Âu Thị T; có vợ là D Thị H; có 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018). Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2020 đến ngày 24/3/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Đình Đ:* Bà Trần Thị Kim Liên - Luật sư, Văn phòng luật sư Trần Minh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Kạn.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ việc ngày 11/3/2020 tại nhà Vũ Đình Đ, Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn xảy ra cháy, hậu quả vợ và hai con của Đ tử vong. Qua xác minh đối với Vũ Đình Đ đã làm rõ: Do thua bạc Đ đã cầm cố một số đồ trang sức của vợ tặng nên giữa hai người xảy ra mâu thuẫn gây ra hậu quả trên. Cụ thể, khoảng 20 giờ ngày 09/3/2020, Đ đang ở đám cưới nhà ông Hà Ngọc Đ1, trú cùng Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì Đ nhận được điện thoại của Vũ Đình D, sinh năm 1984, trú tại Thôn N, xã H, huyện C, rủ đến nhà D để đánh bạc. Đ rủ Chu Quang T, sinh năm 1992, trú cùng thôn Nà Mây, đi cùng đến nhà Vũ Đình D. Tại đây, Vũ Đình Đ đã đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa sát phạt nhau được thua bằng tiền Việt Nam cùng với Vũ Đình D, Chu Quang T, Hà Văn M, Hà Văn H và Hà Văn C.

Ngày 16/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở và các Công trình phụ cận đối với Vũ Đình D. Qua khám xét phát hiện và tạm giữ: 01 (một) bát sứ; 01 (một) đĩa sứ; 01 (một) mẫu tre mỏng hình chữ nhật, một mặt được bôi đen; 01 (một) chiếc chiếu cói màu vàng, một mặt có hoa văn màu đỏ; 01 (một) con dao nhọn; 01 (một) bộ bài tú lơ khơ và số tiền: 34.000.000đ (ba mươi tư triệu đồng) tiền Việt Nam. Với tài liệu thu thập được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn đã tách nội dung đánh bạc chuyển đến Phòng Cảnh sát hình sự để giải quyết theo quy định.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 20 giờ ngày 09/3/2020, Hà Văn H và Hà Văn C sau khi ăn cưới tại nhà ông Hà Ngọc Đ1 ở thôn N, xã H xong, trên đường về nhà, mỗi người điều khiển một xe mô tô, khi đi đến khu vực nhà Vũ Đình D, H rủ C vào nhà D chơi. Sau đó, có Hà Văn M, sinh năm 1966, trú tại Thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cũng vào nhà D để hỏi D việc mua bán gỗ. D, H, C, M cùng ngồi và uống nước với nhau khoảng 30 phút thì rủ nhau đánh bạc, D đã sử dụng điện thoại di động gọi điện cho Vũ Đình Đ đến nhà D để đánh bạc, Đ đồng ý và rủ Chu Quang T đi cùng đến nhà D để tham gia đánh bạc. Sau khi gọi Đ xong, D lấy con dao nhọn để ở xưởng gỗ trong nhà chặt lấy một đoạn tre rồi cắt gọt thành 04 quân vị hình chữ nhật mỏng, đốt cao su bôi đen một mặt của quân vị rồi vào trong bếp lấy 01 đĩa sứ, 01 bát sứ để sử dụng vào việc đánh bạc.

Sau đó 04 người gồm: D, H, M và C xuống gian bếp cạnh xưởng gỗ. Khi vào bếp thấy chiếu đã trải sẵn trên nền, chờ khoảng 05 phút thì Vũ Đình Đ và Chu Quang T đến. Đ hỏi vay tiền D để cho T đánh bạc cùng vì T không có tiền, D đưa cho Đ số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), Đ đưa lại cho T rồi mọi người cùng ngồi xuống chiếu để đánh bạc, ngồi vòng tròn theo thứ tự chiều kim đồng hồ: H , T , M , D , C , Đ . Khi đánh bạc Đ là người nhận xóc đĩa trong phần lớn thời gian các đối tượng đánh bạc. Hà Văn C là người xóc đĩa trong khoảng 20 phút trước khi các đối tượng nghỉ đánh bạc. Khi C xóc đĩa, chỉ còn H và M đánh bạc với nhau. Việc đánh bạc diễn ra trong khoảng một tiếng đồng hồ.

Hình thức đánh bạc xóc đĩa mà các đối tượng đã chơi như sau: Dùng một chiếc đĩa sứ để ngửa trên chiếu, đặt 4 quân vị bằng tre mỏng cắt hình chữ nhật một mặt bôi đen đặt lên trên đĩa, úp bát sứ lên 4 quân vị, sau đó người cầm cái cầm bát và đĩa lên xóc nhiều lần và đặt xuống chiếu để các con bạc phán đoán đặt cược, các con bạc đặt cược theo hai bên “cửa chắn” và “cửa lẻ”, theo tỷ lệ ăn thua là “1:1”. Khi mở bát nếu 04 quân vị có số mặt đen hoặc trắng ngửa lên là 02 hoặc 04 thì ván bạc là “chẵn”, người đặt tiền cửa “chẵn” thắng cược, người đặt tiền cửa “lẻ” thua cược. Ngược lại, nếu 04 quân vị có số mặt đen hoặc trắng ngửa lên là 01 hoặc 03 thì ván bạc là “lẻ”, người đặt cược cửa “lẻ” thắng cược, người đặt cược cửa “chẵn” thua cược. Mỗi ván bạc các con bạc đặt tiền cược tối thiểu 50.000đ, không hạn chế mức tối đa.

Người tham gia đánh bạc và số tiền sử dụng vào việc đánh bạc như sau:

- Vũ Đình D là chủ nhà, người khởi xướng việc đánh bạc, sau khi các bị cáo thống nhất sẽ đánh bạc, D là người trực tiếp ra đằng sau nhà chặt tre làm quân vị, lấy bát, đĩa của gia đình làm dụng cụ đánh bạc. Trước khi tham gia đánh bạc trong người D có số tiền: 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng), D cho Đ vay trước khi đánh bạc 2.000.000đ (hai triệu đồng), còn lại 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng) D sử dụng hết vào việc đánh bạc.

- Hà Văn H trước khi tham gia đánh bạc trong người có số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và H sử dụng toàn bộ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) này để tham gia đánh bạc và thua hết số tiền này.

- Hà Văn C trước khi tham gia đánh bạc có: 320.000đ (ba trăm hai mươi nghìn đồng), C sử dụng 100.000đ (một trăm nghìn đồng) để tham gia đánh bạc, còn 220.00đ (hai trăm hai mươi nghìn đồng) cất trong người không dùng vào việc đánh bạc. Kết thúc đánh bạc C thua số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng).

- Vũ Đình Đ trước khi tham đánh bạc trong người có số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng), Đ sử dụng hết số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) để tham gia đánh bạc và thua hết.

- Chu Quang T, trước khi tham gia đánh bạc T không có tiền, T được Đ vay tiền của D đưa cho vay trước khi đánh bạc là 2.000.000đ (hai triệu đồng) T sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc đánh bạc.

- Hà Văn M, Trước khi tham gia đánh bạc M đem theo số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) và M sử dụng toàn bộ số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) này để đánh bạc.

Số tiền các bị cáo lúc đầu mang theo sử dụng vào đánh bạc là 5.100.000đ (Năm triệu, một trăm nghìn đồng). Quá trình đánh bạc C được D cho 02 lần tiền với số tiền là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và C được D cho vay số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng). T vay tiền của Đ nhiều lần với tổng số tiền là 8.000.000đ (Tám triệu đồng), tất cả số tiền các bị cáo vay mượn, cho nhau trong quá trình đánh bạc là 11.200.000đ (Mười một triệu, hai trăm nghìn đồng) và sử dụng tiếp tục đánh bạc. Qua điều tra thấy các khoản tiền vay quay vòng, người thua vay người thắng bạc, người thắng cho người thua vay để đánh bạc, đây là số tiền thật và người vay có nghĩa vụ, trách nhiệm trả khoản tiền đã vay. Nên có căn cứ xác định số tiền 11.200.000đ (Mười một triệu, hai trăm nghìn đồng) vào tổng số tiền đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc vào đêm 09/3/2020 tại Thôn N, xã H, huyện C là 16.300.000đ (Mười sáu triệu ba trăm nghìn đồng), trong đó: số tiền các bị cáo mang theo để đánh bạc là 5.100.000đ (năm triệu một trăm nghìn đồng) và số tiền các bị cáo vay mượn nhau trong quá trình đánh bạc để tiếp tục đánh bạc là 11.200.000đ (Mười một triệu, hai trăm nghìn đồng). Quá trình điều tra các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Các bị cáo đã tự nguyện và tác động người thân giao nộp số tiền dùng để đánh bạc, thu lời bất chính cho Cơ quan điều tra với tổng số tiền là: 9.900.000đ (chín triệu chín trăm nghìn đồng), cụ thể như sau:

- Vũ Đình D: 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng).
- Hà Văn M: 1.000.000đ (một triệu đồng).
- Hà Văn C: 3.300.000đ (ba triệu ba trăm nghìn đồng).
- Hà Văn H: 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).
- Vũ Đình Đ: 2.000.000đ (hai triệu đồng).
- Chu Quang T: 1.000.000đ (một triệu đồng).

Tại Bản cáo trạng số: 29/CT-VKSTBK-P1 ngày 03/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Chu Quang T về tội “*Đánh bạc*” theo điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Truy tố các bị cáo Vũ Đình D, Hà Văn M, Hà Văn H, Hà Văn C và Vũ Đình Đ về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

*** Điều 321 BLHS 2015 có nội dung:**

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

d) Tái phạm nguy hiểm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 triệu đồng”.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Chu Quang T, Vũ Đình D, Hà Văn M, Hà Văn H, Hà Văn C và Vũ Đình Đ phạm tội “*Đánh bạc*”. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự, cả 06 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án nên đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Các bị cáo D, Đ, H, M, C đều “phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1/BLHS năm 2015.

Đối với bị cáo Chu Quang T đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54/Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù.

Đối với các bị cáo Vũ Đình D, Hà Văn M, Hà Văn H, Hà Văn C và Vũ Đình Đ đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 phạt tiền mỗi bị cáo từ 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Đình Đ: Luật sư nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã áp dụng đối với bị cáo Vũ Đình Đ. Bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ mong HĐXX xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát là phạt tiền bị cáo 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Ý kiến của các bị cáo tại phiên tòa: Các bị cáo đều thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội đúng quy định của pháp luật. Các bị cáo mong Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo có căn cứ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có cơ sở kết luận:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 09/3/2020 tại gian bếp cạnh xưởng gỗ của gia đình Vũ Đình D, ở Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, Vũ Đình D cùng với các đối tượng Hà Văn C, Hà Văn M, Chu Quang T, Vũ Đình Đ và Hà Văn H đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền với tổng số tiền là 16.300.000đ (Mười sáu triệu ba trăm nghìn đồng). Trong đó: Bị cáo Vũ Đình D tham gia đánh bạc với số tiền 1.100.000đ; Chu Quang T 10.000.000đ; Hà Văn H 300.000đ; Hà Văn C 3.300.000đ; Vũ Đình Đ 600.000đ; Hà Văn M 1.000.000đ.

Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình, biết rõ hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Với hành vi nêu trên, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố các bị cáo Vũ Đình D, Hà Văn C, Hà Văn M, Vũ Đình Đ và Hà Văn H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321/BLHS năm 2015. Riêng bị cáo Chu Quang T đã có tiền án nhưng vẫn tiếp tục phạm tội nên bị truy tố theo điểm d khoản 2 Điều 321/BLHS năm 2015. Do đó, khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố đối với các bị cáo như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Xét tính chất hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về an toàn C cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương.

Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án bị cáo Vũ Đình D là người khởi xướng, trực tiếp chuẩn bị thẻ bài để đánh bạc. Tuy nhiên, qua xem xét toàn bộ diễn

biến của vụ án các bị cáo đều thừa nhận sau khi đi dự đám cưới về các bị cáo tự rủ nhau cùng đánh bạc không có người đứng ra tổ chức, hành vi của các bị cáo là bột phát. Xét thấy, đây là vụ án đồng phạm giản đơn nên không xem xét vai trò đồng phạm của các bị cáo.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

Các bị cáo Vũ Đình D Vũ Đình Đ, Hà Văn C, Hà Văn M và Hà Văn H đều có nhân thân tốt; quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình giải quyết vụ án các bị cáo đều tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án; bị cáo còn Vũ Đình Đ có ông có ông là Vũ Đình T1 được tặng Huân chương kháng chiến; bị cáo Hà Văn H có bố đẻ là Hà Văn Tấn có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và ông nội là Hà Văn Vận được tặng thưởng Huân chương kháng chiến; bị cáo Vũ Đình D trong quá trình tham gia nghĩa vụ quân sự được tặng danh hiệu Chiến sĩ giỏi, bị cáo có bố đẻ là Vũ Văn Ngọc được tặng Huân chương kháng chiến; bị cáo Hà Văn C có ông nội là Hà Văn B được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang; Do vậy, các bị cáo D, Đ, C, M, H đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s, t, khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015. Ngoài ra, bị cáo Vũ Đình Đ khi bị điều tra về một hành vi khác đã tự thú về hành vi đánh bạc trong vụ án này nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51; bị cáo Hà Văn H trong quá trình C tác được Trung ương Hội nông dân Việt Nam tặng Bằng khen được hưởng tình tiết “người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong C tác” quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51/BLHS.

Bị cáo Chu Quang T có nhân thân xấu, trước khi phạm tội đã có tiền án chưa được xóa án tích nhưng đây đã là tình tiết định khung hình phạt nên không bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về các tình tiết giảm nhẹ, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tự nguyện nộp lại số tiền đánh bạc thể hiện thái độ ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú và tích cực hợp tác với cơ quan điều tra nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án; bị cáo có ông là Hà Văn N được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đủ điều kiện để áp dụng Điều 54/BLHS xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định. Xét đề nghị của đại diện VKS về mức hình phạt là có căn cứ HĐXX sẽ xem xét cân nhắc.

Đối với các bị Vũ Đình D Vũ Đình Đ, Hà Văn C, Hà Văn M và Hà Văn H có nhân thân tốt được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu do vậy áp

dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa, giáo dục chung.

[5] Hình phạt bổ sung: Mục đích các bị cáo phạm tội nhằm kiếm lợi bất chính nhưng các bị cáo Vũ Đình D, Vũ Đình Đ, Hà Văn C, Hà Văn M và Hà Văn H đã bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, nên nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo D, Đ, C, M. Bị cáo Chu Quang T không có C việc ổn định, không có thu nhập nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ *Tịch thu tiêu hủy những vật chứng là C cụ phương tiện phạm tội, và vật chứng không có giá trị theo quy định của pháp luật.*

- 01 (một) con dao nhọn bằng kim loại, cán gỗ, dài 45cm, phần cán gỗ dài 16,5cm.

- 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng hình tròn đường kính 15cm, bên trên mặt đĩa có hoa văn màu đỏ, có chữ viết GUANGXI CHINA.

- 01 (một) chiếc bát sứ màu trắng không có hoa văn có dòng chữ MADE IN VIETNAM đường kính 11cm.

- 01 (một) mẫu tre hình chữ nhật kích thước 1,8 x 1,2cm, dày 0,2cm một mặt được bôi đen.

- 01 (một) chiếu cói một mặt có hoa văn màu đỏ, một mặt màu vàng không có hoa văn, kích thước 195x160cm.

- 01 (một) chiếc đèn chiếu sáng màu xanh tím có gắn dây chun (để đeo trên đầu) vỏ đèn có chữ www.huaerbei.com.cn.

+ Trả lại cho chị Lê Thị Nhung 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màn hình cảm ứng, mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng niêm phong trong phong bì kí hiệu “DT” có dấu, có chữ ký của các thành phần ftham gia niêm phong.

+ *Trả lại cho bị cáo Vũ Đình Đ những vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội:*

- 01 phong bì kí hiệu “D” bên trong có 02 (hai) nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng; 01 dây lắc tay bằng kim loại màu trắng bạc; 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu trắng bạc; 01 (một) mặt dây chuyền bằng kim loại màu trắng bạc.

+ Tịch thu, hóa giá sung quỹ nhà nước vật chứng là C cụ, phương tiện phạm tội:

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 16.300.000đ (mười sáu triệu ba trăm nghìn đồng) cụ thể:

- Một phong bì niêm phong kí hiệu “TD1” còn nguyên vẹn, mặt sau phong bì có 02 dấu đỏ ghi C an tỉnh Bắc Kạn, Cơ quan CSĐT, 02 chữ ký không rõ hình, 02 chữ Triệu Đình Mẫn bên trong có số tiền 2.000.000đ và 01 phong bì ký hiệu “TD2” còn nguyên vẹn, mặt sau phong bì có 02 dấu đỏ ghi C an tỉnh Bắc Kạn, Cơ quan CSĐT, 02 chữ ký không rõ hình, 02 chữ Triệu Đình Mẫn bên trong có số tiền 200.000đ là tiền bị cáo Vũ Đình D nộp tại cơ quan điều tra. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền phạm tội là 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng) số còn lại tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo D.

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu “TĐ” còn nguyên vẹn, mặt sau phong bì có 02 dấu đỏ ghi C an tỉnh Bắc Kạn, Cơ quan CSĐT, 02 chữ ký không rõ hình, 02 chữ Triệu Đình Mẫn. Bên trong có số tiền 2.000.000đ của bị cáo Vũ Đình Đ nộp tại CQĐT. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền phạm tội là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) số còn lại tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Đ .

- 01 phong bì niêm phong kí hiệu “TC” còn nguyên vẹn, mặt sau phong bì có 02 dấu đỏ ghi C an tỉnh Bắc Kạn, Cơ quan CSĐT, 02 chữ ký không rõ hình, 02 chữ Triệu Đình Mẫn bên trong có số tiền 3.300.000đ của bị cáo Hà Văn C nộp tại CQĐT tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 phong bì niêm phong kí hiệu “TM” còn nguyên vẹn, mặt sau phong bì có 02 dấu đỏ ghi C an tỉnh Bắc Kạn, Cơ quan CSĐT, 02 chữ ký không rõ hình, 02 chữ Triệu Đình Mẫn. Bên trong có số tiền 1.000.000đ của bị cáo Hà Văn M nộp tại CQĐT tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- 01 phong bì niêm phong kí hiệu “TH” còn nguyên vẹn, mặt sau phong bì có 02 dấu đỏ ghi C an tỉnh Bắc Kạn, Cơ quan CSĐT, 02 chữ ký không rõ hình, 02 chữ Triệu Đình Mẫn. Bên trong có số tiền 400.000đ của bị cáo Hà Văn H nộp tại CQĐT. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền phạm tội là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) số còn lại tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo H .

- 01 phong bì niêm phong kí hiệu “TT” còn nguyên vẹn, mặt sau phong bì có 02 dấu đỏ ghi C an tỉnh Bắc Kạn, Cơ quan CSĐT, 02 chữ ký không rõ hình, 02 chữ Triệu Đình Mẫn. Bên trong có số tiền 1.000.000đ của bị cáo Chu Quang T tại CQĐT tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- (01) phong bì niêm phong ký hiệu “D1” còn nguyên vẹn, mặt sau phong bì tại mép dán có 02 dấu đỏ ghi UBND XÃ NÔNG HẠ, H. CHỢ MỚI, T. BẮC KẠN; 03 chữ ký không rõ hình; 01 chữ “Nhưng”; 01 chữ “Lê Thị Nhung”; 01 chữ “Ma Đình Dự”; 01 chữ “Hà Văn Hiền”; 01 chữ “Đinh Anh Huân”. Bên trong có số tiền 34.000.000đ (ba mươi tư triệu đồng) là tiền phát hiện khi khám xét tại nhà bị

cáo Vũ Đình D. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo D còn thừa sẽ trả lại cho chị Lê Thị Nhung.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận ngày 17/6/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

[7] Biện pháp tư pháp:

- Truy thu đối với bị cáo Chu Quang T số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng) là tiền phạm tội để nộp vào Ngân sách nhà nước;

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Chu Quang T, Vũ Đình D, Hà Văn M, Hà Văn H, Hà Văn C và Vũ Đình Đ phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s, t, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Điều 38/BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Chu Quang T 15 (mười lăm) tháng tù thời hạn tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án (được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/3/2020 đến ngày 26/3/2020).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35/BLHS năm 2015 phạt tiền bị cáo Vũ Đình D số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35/BLHS năm 2015 phạt tiền bị cáo Hà Văn C số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t, v, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35/BLHS năm 2015 phạt tiền bị cáo Hà Văn M số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, r, t, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35/BLHS năm 2015 phạt tiền bị cáo Vũ Đình Đ số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35/BLHS năm 2015 phạt tiền bị cáo Hà Văn H số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy những vật chứng là C cụ phương tiện phạm tội, và vật chứng không có giá trị theo quy định của pháp luật.

- 01 (một) con dao nhọn bằng kim loại, cán gỗ, dài 45cm, phần cán gỗ dài 16,5cm.

- 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng hình tròn đường kính 15cm, bên trên mặt đĩa có hoa văn màu đỏ, có chữ viết GUANGXI CHINA.

- 01 (một) chiếc bát sứ màu trắng không có hoa văn có dòng chữ MADE IN VIETNAM đường kính 11cm.

- 01 (một) mẫu tre hình chữ nhật kích thước 1,8 x 1,2cm, dày 0,2cm một mặt được bôi đen.

- 01 (một) chiếu cói một mặt có hoa văn màu đỏ, một mặt màu vàng không có hoa văn, kích thước 195x160cm.

- 01 (một) chiếc đèn chiếu sáng màu xanh tím có gắn dây chun (để đeo trên đầu) vỏ đèn có chữ www.huaerbe.com.cn.

+ Trả lại cho chị Lê Thị Nhung 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màn hình cảm ứng, mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng niêm phong trong phong bì kí hiệu “DT” có dấu, có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong.

+ Trả lại cho bị cáo Vũ Đình D những vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội:

- 01 phong bì kí hiệu “D” bên trong có 02 (hai) nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng; 01 dây lắc tay bằng kim loại màu trắng bạc; 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu trắng bạc; 01 (một) mặt dây chuyền bằng kim loại màu trắng bạc.

+ Tịch thu, hóa giá sung quỹ nhà nước vật chứng là C cụ, phương tiện phạm tội:

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 16.300.000đ (mười sáu triệu ba trăm nghìn đồng) cụ thể:

- Một phong bì niêm phong kí hiệu “TD1” còn nguyên vẹn, mặt sau phong bì có 02 dấu đỏ ghi C an tỉnh Bắc Kạn, Cơ quan CSĐT, 02 chữ ký không rõ hình, 02 chữ Triệu Đình Mẫn bên trong có số tiền 2.000.000đ và 01 phong bì ký hiệu “TD2” còn nguyên vẹn, mặt sau phong bì có 02 dấu đỏ ghi C an tỉnh Bắc Kạn, Cơ quan CSĐT, 02 chữ ký không rõ hình, 02 chữ Triệu Đình Mẫn bên trong có số tiền 200.000đ là tiền bị cáo Vũ Đình D nộp tại cơ quan điều tra. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền phạm tội là 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng) số còn lại tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo D.

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu “TĐ” còn nguyên vẹn, mặt sau phong bì có 02 dấu đỏ ghi C an tỉnh Bắc Kạn, Cơ quan CSĐT, 02 chữ ký không rõ hình, 02 chữ Triệu Đình Mẫn. Bên trong có số tiền 2.000.000đ của bị cáo Vũ Đình Đ nộp tại CQĐT. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền phạm tội là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) số còn lại tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Đ .

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu “TC” còn nguyên vẹn, mặt sau phong bì có 02 dấu đỏ ghi C an tỉnh Bắc Kạn, Cơ quan CSĐT, 02 chữ ký không rõ hình, 02 chữ Triệu Đình Mẫn bên trong có số tiền 3.300.000đ của bị cáo Hà Văn C nộp tại CQĐT tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu “TM” còn nguyên vẹn, mặt sau phong bì có 02 dấu đỏ ghi C an tỉnh Bắc Kạn, Cơ quan CSĐT, 02 chữ ký không rõ hình, 02 chữ Triệu Đình Mẫn. Bên trong có số tiền 1.000.000đ của bị cáo Hà Văn M nộp tại CQĐT tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu “TH” còn nguyên vẹn, mặt sau phong bì có 02 dấu đỏ ghi C an tỉnh Bắc Kạn, Cơ quan CSĐT, 02 chữ ký không rõ hình, 02 chữ Triệu Đình Mẫn. Bên trong có số tiền 400.000đ của bị cáo Hà Văn H nộp tại CQĐT. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền phạm tội là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) số còn lại tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo H .

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu “TT” còn nguyên vẹn, mặt sau phong bì có 02 dấu đỏ ghi C an tỉnh Bắc Kạn, Cơ quan CSĐT, 02 chữ ký không rõ hình, 02 chữ Triệu Đình Mẫn. Bên trong có số tiền 1.000.000đ của bị cáo Chu Quang T tại CQĐT tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- (01) phong bì niêm phong ký hiệu “D1” còn nguyên vẹn, mặt sau phong bì tại mép dán có 02 dấu đỏ ghi UBND XÃ NÔNG HẠ, H. CHỢ MỚI, T. BẮC KẠN; 03 chữ ký không rõ hình; 01 chữ “Nhưng”; 01 chữ “Lê Thị Nhung”; 01 chữ “Ma Đình Dự”; 01 chữ “Hà Văn Hiến”; 01 chữ “Đình Anh Huân”. Bên trong có số tiền 34.000.000đ (ba mươi tư triệu đồng) là tiền phát hiện khi khám xét tại nhà bị cáo Vũ Đình D. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo D còn thừa sẽ trả lại cho chị Lê Thị Nhung.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận ngày 17/6/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra C an tỉnh Bắc Kạn và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

[7] Biện pháp tư pháp:

- Truy thu đối với bị cáo Chu Quang T số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng) là tiền phạm tội để nộp vào Ngân sách nhà nước;

4. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Chu Quang T, Vũ Đình D, Hà Văn M, Hà Văn H, Hà Văn C và Vũ

Đình Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Án xử Công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng hồ sơ CAT;
- PC 02 - CA tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- THAHS;
- Các bị cáo;
- Luật sư;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Chu Đức Quế